

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

Số: 14 /2017/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Kon Rẫy, ngày 13 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 36/2017/TLST- HNGĐ ngày 23/10/2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện K, tỉnh K.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/12/2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức Q;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Hai bên thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn, chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Yến N (sinh ngày 04/9/2004) và Nguyễn Đức L (sinh ngày 17/4/2008). Anh Nguyễn Đức Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Yến N (sinh ngày 04/9/2004) và Nguyễn Đức L (sinh ngày 17/4/2008).

Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng;

Mức cấp dưỡng: 1.000.000đồng/con (Một triệu đồng cho mỗi người con);

Thời gian cấp dưỡng: từ tháng 12/2017 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

*Người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đức Q không chịu thi hành khoản tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và các khoản nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về án phí:*

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Án phí dân sự về Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (mỗi bên chịu 75.000 đồng).

+ Án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng (anh Nguyễn Đức Q) là: 150.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận, thống nhất để chị Trần Thị Ngọc T nộp tổng số tiền trên là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0000538 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh K.
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- UBND xã Đ;
- UBND xã Đ B;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Nguyễn Xong

